

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2017

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Ông La Văn Việt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1086/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Phụng M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Nguyễn Văn Q, phường Đ, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các bên đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Phụng M trình bày: Chị M và anh D cưới nhau vào tháng 01 năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường gây gổ, cãi nhau. Chị M đã ly thân anh D từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay chị M khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Lâm Phụng M yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn D.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Tấn D trình bày trong biên bản hòa giải ngày 18/12/2017 và tại phiên tòa: anh D thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị M đã trình bày. Thừa nhận vợ chồng cưới nhau từ tháng 01/2017 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, không có con chung.

Về tài sản chung: Anh D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là một đầu kéo máy cày đã qua sử dụng hiệu MF 165 và 01 rơ móc. Tổng giá trị tài sản là 180.000.000đ. Khi ly hôn anh D yêu cầu chị M hoàn lại cho anh D ½ giá trị tài sản tương đương số tiền 90.000.000đồng. Tại phiên tòa, anh D rút lại yêu cầu tranh chấp tài sản và xác định không còn tranh chấp tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lâm Phụng M không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn D có đơn xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Lâm Phụng M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Tấn D, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Về tình cảm: Xét thấy hôn nhân giữa chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D không có đăng ký kết hôn, theo trình bày chị M và anh D chung sống từ tháng 01/2017 không có gì chứng minh nhưng xét “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” ngày 30/10/2017 của UBND xã T thì chị M và anh D có cưới nhau vào tháng 01/2017 nhưng chưa đăng ký kết hôn nên HĐXX có căn cứ xác định chị M và anh D chung sống từ tháng 01 năm 2017 không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị M và anh D vi phạm quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay gây cãi nhau. Căn cứ biên bản hòa giải, bản tự khai cùng ngày 18/12/2017, thì anh D thừa nhận theo lời trình bày của chị M về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị M xin ly hôn và anh D thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên đều yêu cầu được ly hôn. Từ đó, HĐXX xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc

thuận tình ly hôn giữa chị M và anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tuy nhiên, xét chị M và anh D chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2017 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo điểm b khoản 3, Nghị Quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Từ đó, HĐXX không có cơ sở ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh D.

[2.2]. Về con chung: Chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D thống nhất không có con chung nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: không có nợ chung nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Lâm Phụng M phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, 14, 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 3, Nghị Quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D chưa có con chung nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu chia tài sản chung của anh Huỳnh Tấn D với chị Lâm Phụng M.

4. Về nợ chung: Chị Lâm Phụng M và anh Huỳnh Tấn D xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lâm Phụng M phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0001600 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Lâm Phụng M đã nộp xong.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà hoàn lại cho anh Huỳnh Tấn D số tiền 2.250.000đồng về yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai thu số 0001850 ngày 05/12/2017.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo xin xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã T (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy